



A MEMBER OF JHI INTERNATIONAL CPA NETWORK



**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**AUDITED REPORT
OF FINANCIAL STATEMENTS**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN
NHẤT VIỆT
VIET FIRST SECURITIES CORPORATION
NĂM 2011**

ĐƠN VỊ KIỂM TOÁN : **CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN
VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM (AASCS)
SOUTHERN AUDITING AND ACCOUNTING FINANCIAL CONSULTING
SERVICES COMPANY LIMITED (AASCS)**



MỤC LỤC

Nội dung	Trang
- Báo cáo Ban Điều hành	03 - 04
- Báo cáo kiểm toán	05 - 05
- Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2011	06 - 09
- Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2011	10 - 10
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	11 - 11
- Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu	12 - 12
- Thuyết minh Báo cáo tài chính	13 - 25



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán **NHẤT VIỆT** (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011.

CÔNG TY

Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán **NHẤT VIỆT** được thành lập theo Giấy phép số 100/UBCK-GP ngày 13 tháng 10 năm 2008 do Chủ tịch Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước cấp, với hoạt động kinh doanh như sau :

- Môi giới chứng khoán;
- Tư vấn đầu tư chứng khoán;
- Tự doanh chứng khoán.

Trụ sở chính của Công ty tại Lầu 3, số 117, 119, 121 Nguyễn Du, phường Bến Thành, quận 1 - TPHCM.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH

Các thành viên của Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ 2010 - 2015 bao gồm :

Ông Phan Văn Tạo	Chủ tịch Hội đồng Quản trị	Bổ nhiệm ngày 18/08/2008
Ông Lê Khương Vang	Ủy viên Hội đồng Quản trị	Bổ nhiệm ngày 18/08/2008
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Ủy viên Hội đồng Quản trị	Bổ nhiệm ngày 18/08/2008
Ông Đặng Đức Trung	Ủy viên Hội đồng Quản trị	Bổ nhiệm ngày 18/08/2008
Ông Thái Hoàng Long	Ủy viên Hội đồng Quản trị	Bổ nhiệm ngày 26/03/2009

Các thành viên của Ban Giám đốc

Ông Thái Hoàng Long	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 20/10/2008
Ông Nguyễn Văn Khoa	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 15/10/2008

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phía Nam (AASCS) đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2011 cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- ❖ Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán
- ❖ Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý, thận trọng
- ❖ Tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam hiện hành.
- ❖ Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành
- ❖ Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ trung thực, hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.



Ban Giám đốc Công ty cam kết Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2011, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm 2011 kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Chúng tôi, Hội đồng Quản trị Công ty Cổ Phần Chứng Khoán NHẤT VIỆT phê duyệt Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2011 kết thúc ngày 31/12/2011 của Công ty.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 03 năm 2012

**Thay mặt Hội đồng Quản trị
Chủ tịch Hội đồng Quản trị**



Phan Văn Tạo

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 03 năm 2012

**Thay mặt Ban Giám đốc
Tổng Giám đốc**



Thái Hoàng Long



Số 209... BCKT/TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN**Về Báo cáo tài chính năm 2011 kết thúc ngày 31/12/2011
của Công Ty Cổ Phần Chứng khoán NHẤT VIỆT****Kính gửi : - Hội đồng Quản trị Công Ty Cổ Phần Chứng khoán NHẤT VIỆT
- Ban Giám đốc Công Ty Cổ Phần Chứng khoán NHẤT VIỆT**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính của **CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NHẤT VIỆT** lập ngày 28/02/2012 gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2011, Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính năm 2011 kết thúc ngày 31/12/2011 được trình bày từ trang 06 đến trang 25 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này là trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các Báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến :

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các Báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên :

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính của **Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán NHẤT VIỆT** (đính kèm Báo cáo kiểm toán này) đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2011 kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm 2011, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các qui định pháp lý có liên quan.

Không phủ định ý kiến trên nhưng chúng tôi cũng xin lưu ý người đọc Báo cáo kiểm toán : Do chưa có qui định cụ thể về việc trích lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán cho Công ty chứng khoán nên năm 2011 **Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán NHẤT VIỆT** hiện đang trích lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán theo Quyết định của Hội đồng Quản trị chứ không áp dụng qui định tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 do Bộ Tài chính ban hành như năm tài chính 2010.

TP. HCM, ngày 24 tháng 03 năm 2012

**CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH
KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM (AASCS)****Tổng Giám đốc****Lê Văn Tuấn****Chứng chỉ KTV số: 0479/KTV****Kiểm toán viên****Tạ Quang Tạo****Chứng chỉ KTV số: D0055/KTV**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị : VND

Chỉ tiêu	Mã số	T.minh	Số cuối năm	Số đầu năm
TÀI SẢN				
A-TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		137.581.029.310	144.470.414.303
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	1	31.533.996.211	19.288.911.630
1. Tiền	111		5.533.996.211	19.288.911.630
2. Các khoản tương đương tiền	112		26.000.000.000	0
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	2	26.606.402.003	37.409.688.739
1. Đầu tư ngắn hạn	121		36.837.335.794	52.912.664.703
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán ngắn hạn (*)	129		(10.230.933.791)	(15.502.975.964)
III. Các khoản phải thu	130	3	76.724.028.083	83.542.970.821
1. Phải thu khách hàng	131		0	25.364.460
2. Trả trước cho người bán	132		0	0
3. Phải thu nội bộ	133		0	0
4. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	134		58.219.184.108	66.350.636.098
5. Các khoản phải thu khác	138		18.504.843.975	17.166.970.263
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (*)	139		0	0
IV. Hàng tồn kho	140		0	0
V. Tài sản ngắn hạn khác	150	4	2.716.603.013	4.228.843.113
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		16.500.000	0
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		0	0
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà Nước	154		2.410.484.083	2.410.484.083
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		289.618.930	1.818.359.030
5. Tài sản ngắn hạn khác	158		137.581.029.310	144.470.414.303



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	Mã số	T.minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		9.857.838.909	12.910.024.509
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		0	0
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		0	0
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		0	0
3. Phải thu nội bộ dài hạn	213		0	0
4. Phải thu dài hạn khác	218		0	0
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		0	0
II. Tài sản cố định	220		7.711.278.500	9.581.057.595
1. Tài sản cố định hữu hình	221	7	5.016.722.523	6.216.953.495
- Nguyên giá	222		10.023.771.815	9.399.626.223
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(5.007.049.292)	(3.182.672.728)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		0	0
- Nguyên giá	225		0	0
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		0	0
3. Tài sản cố định vô hình	227	8	2.301.729.977	2.638.704.100
- Nguyên giá	228		3.825.519.781	3.524.994.781
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(1.523.789.804)	(886.290.681)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	9	392.826.000	725.400.000
III. Bất động sản đầu tư	240		0	0
- Nguyên giá	241		0	0
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242		0	0
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		0	0
1. Đầu tư vào công ty con	251		0	0
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		0	0
3. Đầu tư chứng khoán dài hạn	253		0	0
- Chứng khoán sẵn sàng để bán	254		0	0
- Chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		0	0
3. Đầu tư dài hạn khác	258		0	0
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán, đầu tư dài hạn (*)	259		0	0
V. Tài sản dài hạn khác	260	10	2.146.560.409	3.328.966.914
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		1.046.799.832	2.587.572.888
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		0	0
3. Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	263		516.354.212	293.394.026
4. Tài sản dài hạn khác	268		583.406.365	448.000.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		147.438.868.219	157.380.438.812



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	Mã số	T.minh	Số cuối năm	
			Số đầu năm	Số đầu năm
NGUỒN VỐN				
A NỢ PHẢI TRẢ	300		23.497.931.346	28.509.831.987
I Nợ ngắn hạn	310		23.497.931.346	28.509.831.987
1. Vay và nợ ngắn hạn	311		0	0
2. Phải trả người bán	312		60.999.602	23.819.880
3. Người mua trả trước	313		80.000.000	70.000.000
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	11	54.303.339	293.700.830
5. Phải trả công nhân viên	315		410.866.666	727.370.000
6. Chi phí phải trả	316		0	0
7. Phải trả nội bộ	317		0	0
8. Các khoản phải trả phải nộp khác	319	13	554.599.694	16.191.116.291
9. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	320	12	21.969.400.061	10.247.894.106
10. Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	321	14	171.669.104	239.988.000
11. Phải trả tổ chức phát hành chứng khoán	322		0	404.850.000
12. Quỹ Khen thưởng phúc lợi	323		196.092.880	311.092.880
13. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính Phủ	327			
14. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	328		0	0
15. Dự phòng phải trả ngắn hạn	329		0	0
II Nợ dài hạn	330		0	0
1. Phải trả dài hạn người bán	331		0	0
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		0	0
3. Phải trả dài hạn khác	333		0	0
4. Vay và nợ dài hạn	334		0	0
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		0	0
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		0	0
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		0	0
8. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	338		0	0
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339			0
10. Dự phòng bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư	359		0	0
B VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		123.940.936.873	128.870.606.825
I. Vốn chủ sở hữu	410		123.940.936.873	128.870.606.825
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		135.000.000.000	135.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		0	0
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		0	0
4. Cổ phiếu ngân quỹ	414		0	0
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		0	0
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		0	0
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		502.021.160	502.021.160
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		502.021.160	502.021.160
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		0	0
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420		(12.063.105.447)	(7.133.435.495)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		147.438.868.219	157.380.438.812



CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Chỉ tiêu	Mã số	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản cố định thuê ngoài	001		
2. Vật tư, chứng chỉ có giá nhận giữ hộ	002		
3. Tài sản nhận ký cược	003	1.500.000.000.000	
4. Nợ khó đòi đã xử lý	004		
5. Ngoại tệ các loại	005		
6. Chứng khoán lưu ký	006	106.975.990.000	69.445.060.000
Trong đó :			
6.1 Chứng khoán giao dịch	007	72.846.290.000	53.987.320.000
Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	008	12.963.590.000	5.703.900.000
Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	009	59.882.700.000	48.283.420.000
Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài	010		
Chứng khoán giao dịch của tổ chức khác	011		
6.2 Chứng khoán tạm ngừng giao dịch	012		
6.3 Chứng khoán cầm cố	017	800.000.000	
Chứng khoán cầm cố của thành viên lưu ký	018		
Chứng khoán cầm cố của KH trong nước	019	800.000.000	
Chứng khoán cầm cố của KH nước ngoài	020		
Chứng khoán cầm cố của tổ chức khác	021		
6.4 Chứng khoán tạm giữ	022	296.500.000	
Chứng khoán tạm giữ của thành viên lưu ký	023		
Chứng khoán tạm giữ của KH trong nước	024	296.500.000	
Chứng khoán tạm giữ của KH nước ngoài	025		
Chứng khoán tạm giữ của tổ chức khác	026		
6.5 Chứng khoán chờ thanh toán	027	5.273.000.000	14.007.740.000
Chứng khoán chờ thanh toán của thành viên lưu ký	028	1.000.000	4.117.140.000
Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước	029	5.272.000.000	9.890.600.000
Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng nước ngoài	030		
Chứng khoán chờ thanh toán của tổ chức khác	031		
6.7 Chứng khoán chờ giao dịch	037	300.000.000	
Chứng khoán chờ giao dịch của thành viên lưu ký	038	0	
Chứng khoán chờ giao dịch của KH trong nước	039	300.000.000	
Chứng khoán chờ giao dịch của KH nước ngoài	040		
Chứng khoán chờ giao dịch của tổ chức khác	041		
6.8 Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay	042	27.460.200.000	
Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay của TV lưu ký	043		
Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay của KH trong nước	044	27.460.200.000	
Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay của KH nước ngoài	045		
Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay của tổ chức khác	046		
6.9 Chứng khoán sửa lỗi giao dịch	047		
7. Chứng khoán lưu ký công ty đại chúng chưa niêm yết	050		
Trong đó :			
Chứng khoán giao dịch	051		1.450.000.000
Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	052		1.450.000.000
Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	053		
Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài	054		
Chứng khoán giao dịch của tổ chức khác	055		
8. Chứng khoán chưa lưu ký của khách hàng	082	686.780.000	
9. Chứng khoán chưa lưu ký của công ty chứng khoán	083		
10. Chứng khoán nhận ủy thác đầu giá	084		



TP. HCM, ngày 28 tháng 02 năm 2012

Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Khoa

Kiểm soát nội bộ

Nguyễn Thị Thu Bình

Tổng Giám đốc

Thái Hoàng Long

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

NĂM 2011

Đơn vị : VND

Chỉ tiêu	Mã số	T.minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu	01.1	15	22.625.695.044	36.851.928.111
- Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	01.2		9.156.851.232	4.386.988.398
- Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	01.3		1.949.380.527	19.613.698.385
- Doanh thu bảo lãnh phát hành chứng khoán	01.4		0	0
- Doanh thu hoạt động tư vấn	01.5		27.272.727	72.727.272
- Doanh thu lưu ký chứng khoán	01.6		0	0
- Doanh thu hoạt động ủy thác đầu giá	01.7		0	0
- Doanh thu cho thuê sử dụng tài sản	01.8		0	0
- Doanh thu khác	01.9		11.492.190.558	12.778.514.056
2. Các khoản giảm trừ	02		0	0
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		22.625.695.044	36.851.928.111
4. Chi phí hoạt động kinh doanh	11	16	12.230.243.451	30.133.282.345
5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh	20		10.395.451.593	6.718.645.766
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	17	15.325.121.545	13.836.718.352
7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(4.929.669.952)	(7.118.072.586)
8. Thu nhập khác	31		0	138.909.091
9. Chi phí khác	32		0	154.272.000
10. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		0	(15.362.909)
11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		(4.929.669.952)	(7.133.435.495)
12. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	18	0	0
13. Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		0	0
14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		(4.929.669.952)	(7.133.435.495)
15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70			357

Kế toán trưởng


Nguyễn Văn Khoa

Kiểm soát nội bộ


Nguyễn Thị Thu Bình

TP. HCM, ngày 28 tháng 02 năm 2012

Tổng Giám đốc



Thái Hoàng Long

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2011
(Theo phương pháp gián tiếp)

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Đơn vị: VND Năm trước
LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
<i>Lợi nhuận trước thuế</i>	01	(4.929.669.952)	(7.133.435.495)
<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>			
Khấu hao tài sản cố định	02	2.461.875.687	2.150.384.552
Các khoản dự phòng	03	(5.272.042.173)	14.527.799.412
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(11.317.623.357)	(8.494.845.623)
Chi phí lãi vay	06	456.931	6.159.920
<i>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi</i>	08	(19.057.002.864)	1.056.062.766
<i>Vốn lưu động</i>			
Tăng, giảm các khoản phải thu	09	8.347.682.838	(586.333.330)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10	16.075.328.909	(6.501.707.267)
Tăng, giảm các khoản phải trả	11	(4.896.900.641)	2.672.161.007
Tăng, giảm chi phí trả trước	12	1.564.858.056	2.925.782.546
Tiền lãi vay đã trả	13	(456.931)	(6.159.920)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(4.339.091.445)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	0	446.848.765
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(355.836.551)	(172.724.208)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động SXKD	20	1.677.672.816	(4.505.161.086)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21	(750.211.592)	(3.355.606.189)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22	0	138.909.091
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		0
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	0	0
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	0	0
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	11.317.623.357	8.510.181.532
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	10.567.411.765	5.293.484.434
LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		
Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	456.930.815	6.840.475.792
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(456.930.815)	(6.840.475.792)
Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	0	(7.799.550.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	0	(7.799.550.000)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ (20+30+40)	50	12.245.084.581	(7.011.226.652)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	19.288.911.630	26.300.138.282
Ảnh hưởng của tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70	31.533.996.211	19.288.911.630

Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Khoa

Kiểm soát nội bộ



Nguyễn Thị Thu Bình

TP. HCM, ngày 28 tháng 02 năm 2012
Tổng Giám đốc



Thái Hoàng Long

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU
NĂM 2011

STT	CHỈ TIÊU	TM	Số dư đầu năm		Tăng	Số tăng / Giảm		Số dư cuối năm		
			Năm trước	Năm nay		Năm trước	Giảm	Năm nay	Năm trước	Năm nay
1	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		135.000.000.000	135.000.000.000				135.000.000.000	135.000.000.000	
2	hữu									
3	Thặng dư vốn cổ phần			0				0	0	
4	Vốn khác của chủ sở hữu			0				0	0	
5	Cổ phiếu quỹ			0				0	0	
6	Chênh lệch đánh giá lại tài sản			0				0	0	
7	Chênh lệch tỷ giá hối đoái			0				0	0	
8	Quỹ đầu tư phát triển			502.021.160	502.021.160			502.021.160	502.021.160	
9	Quỹ dự phòng tài chính			502.021.160	502.021.160			502.021.160	502.021.160	
10	Các quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu			0				0	0	
	Lợi nhuận chưa phân phối		10.040.423.200	(7.133.435.495)	(7.133.435.495)	10.040.423.200	(4.929.669.952)	(7.133.435.495)	(12.063.105.447)	
	Cộng		145.040.423.200	128.870.606.825	(6.129.393.175)	10.040.423.200	(4.929.669.952)	0	128.870.606.825	123.940.936.873

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 02 năm 2012

Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Khoa

Kiểm soát nội bộ



Nguyễn Thị Thu Bình

Tổng Giám đốc



Thái Hoàng Long

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

NĂM 2011

I. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Chứng khoán Nhất Việt được thành lập theo Giấy phép số 100/UBCK-GP ngày 13 tháng 10 năm 2008 do Chủ tịch Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước cấp.

Trụ sở chính được đặt tại Lầu 3, 117-119-121 Nguyễn Du, Phường Bến Thành, Quận 01, TP. HCM.

Lĩnh vực kinh doanh : Kinh doanh chứng khoán.

Loại hình kinh doanh (Theo Giấy phép số 100/UBCK-GP) :

- Môi giới chứng khoán.
- Tư vấn đầu tư chứng khoán.
- Tự doanh chứng khoán.

Vốn góp cổ phần theo Giấy phép số 100/UBCK-GP của Công ty tại ngày 31/12/2011 là **135.000.000.000 VND**, gồm có các cổ đông dưới đây:

STT	Tên	Loại cổ đông	Giá trị góp vốn (tỷ đồng)	Tỷ lệ
1	Công ty Vina Toyo	Cổ đông sáng lập	6,750	5,00
2	Công ty CP XDTM Căn Nhà mơ ước	Cổ đông sáng lập	6,000	4,44
3	Ông Đặng Đức Trung	Cổ đông sáng lập	5,750	4,26
4	Công ty CP Ngân Sơn	Cổ đông góp vốn	6,750	5,00
5	Công ty CP Cát Lợi	Cổ đông góp vốn	20,250	15,00
6	Đình Phạm Ngọc Anh	Cổ đông góp vốn	9,200	6,81
7	Nguyễn Xuân Phước	Cổ đông góp vốn	8,500	6,30
8	Công ty CP Đầu tư Vinataba	Cổ đông góp vốn	3,000	2,22
9	41 cổ đông thể nhân	Cổ đông góp vốn	68,800	50,96
	Tổng cộng		135,000	100,00

Các thành viên của Hội đồng Quản trị

Ông Phan Văn Tạo	Chủ tịch Hội đồng Quản trị	Bổ nhiệm ngày 18/08/2008
Ông Lê Khương Vang	Ủy viên Hội đồng Quản trị	Bổ nhiệm ngày 18/08/2008
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Ủy viên Hội đồng Quản trị	Bổ nhiệm ngày 18/08/2008
Ông Đặng Đức Trung	Ủy viên Hội đồng Quản trị	Bổ nhiệm ngày 18/08/2008
Ông Thái Hoàng Long	Ủy viên Hội đồng Quản trị	Bổ nhiệm ngày 26/03/2008

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc

Ông Thái Hoàng Long	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 20/10/2008
Ông Nguyễn Văn Khoa	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 15/10/2008



II. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU :

Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán :

Kỳ kế toán năm bắt đầu từ ngày 01/01 đến hết ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán áp dụng :

Công ty đã áp dụng Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi qui định của từng Chuẩn mực, Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán đang áp dụng.

Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo Quyết định 15/2006/QĐ-BTC ngày 25/03/2006; Chế độ kế toán Công ty chứng khoán theo Thông tư 95/2008/TT-BTC ngày 24/10/2008 của Bộ Tài chính và Thông tư 162/2010/TT-BTC ngày 20/10/2010 do Bộ Tài chính ban hành sửa đổi Thông tư Thông tư 95/2008/TT-BTC ngày 24/10/2008.

Các Báo cáo tài chính, ngoại trừ Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

Hình thức kế toán áp dụng : Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung trên máy vi tính.

Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và tương đương tiền :

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán, tiền gửi của người ủy thác đầu tư, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 3 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền

Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính :

Các khoản đầu tư vào Công ty con : không phát sinh.

Các khoản vốn góp liên doanh : không phát sinh.

Các khoản đầu tư chứng khoán : các khoản đầu tư được thể hiện theo giá gốc trừ đi phân dự phòng giảm giá chứng khoán tại ngày khóa sổ kế toán.

Các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác : không phát sinh.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn : Căn cứ Quyết định của Hội đồng Quản trị.

Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu :

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị sổ kế toán các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi (nếu có).

Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định hữu hình :

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình (nếu có) được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định vô hình :

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.



Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình (nếu có) được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao và khấu trừ :

Khấu hao và khấu trừ tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được tính theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản. Tỷ lệ khấu hao được xác định theo quy định của Thông tư 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính. Thời gian khấu hao được tính như sau:

Phương tiện vận tải	08 năm
Dụng cụ quản lý	03 - 06 năm
Phần mềm vi tính, bản quyền phần mềm	06 năm

Thuê tài sản

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của Hợp đồng thuê.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu :

Nguyên tắc ghi nhận vốn đầu tư của chủ sở hữu : ghi nhận theo vốn thực góp.

Nguyên tắc ghi nhận thặng dư vốn cổ phần : không phát sinh.

Nguyên tắc ghi nhận vốn khác của chủ sở hữu : không phát sinh.

Nguyên tắc ghi nhận cổ phiếu quỹ : không phát sinh.

Nguyên tắc ghi nhận chênh lệch đánh giá lại tài sản : không phát sinh.

Nguyên tắc ghi nhận chênh lệch tỷ giá hối đoái : không phát sinh.

Nguyên tắc ghi nhận quỹ đầu tư phát triển : không phát sinh.

Nguyên tắc ghi nhận quỹ dự phòng tài chính : không phát sinh.

Nguyên tắc ghi nhận quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu : không phát sinh.

Nguyên tắc ghi nhận Lợi nhuận chưa phân phối : Lợi nhuận chưa phân phối được ghi nhận căn cứ lợi nhuận phát sinh lũy kế năm trước cộng lợi nhuận phát sinh kỳ này.

Nguyên tắc ghi nhận quỹ khen thưởng phúc lợi : không phát sinh.

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu :

Doanh thu được ghi nhận khi công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng đúng nguyên tắc này khi ghi nhận doanh thu.

Doanh thu cung cấp dịch vụ :

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Trong trường hợp không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán :

Thu nhập từ kinh doanh chứng khoán được xác định dựa trên mức chênh lệch giá bán và giá vốn bình quân của chứng khoán.



Tiền lãi :

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức :

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

Nguyên tắc ghi nhận Chứng khoán và Dự phòng giảm giá chứng khoán:

Các chứng khoán kinh doanh và chứng khoán đầu tư dài hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị thị trường thấp hơn giá trị ghi sổ. Trong trường hợp không thể xác định được giá thị trường của cổ phiếu một cách tin cậy chắc chắn, dự phòng được lập dựa trên chênh lệch giá trị ghi sổ và giá trị theo sổ sách của mỗi cổ phiếu trên báo cáo tài chính của đơn vị phát hành.

Trong năm 2011, Công ty trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán căn cứ Quyết định của Hội đồng Quản trị.

Nguyên tắc ghi nhận thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại :

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là số thuế phải nộp trong kỳ kế toán được tính bằng thuế suất thuế thu nhập hiện hành và lợi nhuận tính thuế phát sinh trong kỳ kế toán.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại : không phát sinh.

III. CHI TIẾT MỘT SỐ CHỈ TIÊU TRONG BÁO CÁO TÀI CHÍNH :

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt tại quỹ (*)	44.111.665	106.524.286
Tiền gửi ngân hàng (**)	5.489.884.546	19.182.387.344
Tiền đang chuyển	0	0
Các khoản tương đương tiền (***)	26.000.000.000	0
Tổng	<u>31.533.996.211</u>	<u>19.288.911.630</u>

(*) Số liệu tiền mặt được trình bày tại phần thuyết minh này căn cứ vào sổ quỹ tiền mặt, Biên bản kiểm kê quỹ tiền mặt và sổ kế toán tài khoản tại ngày 31/12/2011

(**) Số dư tiền gửi ngân hàng tại thời điểm 31/12/2011 phù hợp giữa sổ kế toán chi tiết của Công ty với sổ phụ các Ngân hàng giao dịch, bao gồm :

Tiền gửi của Công ty	568.138.496
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển - BIDV Hà Nội	6.012.242
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển - BIDV	529.079.983
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển - BIDV	9.729.863
Ngân hàng TMCP Á Châu - ACB Bank CN Trần Khai Nguyên	326.931
Ngân hàng TMCP Á Châu - Hà Nội	4.880.468
Ngân hàng Oceanbank - Nguyễn Thái Học	1.592.219
Ngân hàng ABBank	3.272.904
Tiền gửi công ty tại FIDICOM	2.571.900
Ngân hàng Gia Định	10.671.986
Tiền gửi của Nhà đầu tư	3.144.524.171
Ngân hàng An Bình - ABBank - Nguyễn Cư Trinh	1.203.224
Ngân hàng Đầu Tư và Phát triển Việt Nam - BIDV Thanh toán hộ cổ tức	30.922.132
Ngân hàng TMCP Á Châu - ACB Bank	1.601.670.597
Ngân hàng TMCP Đại Dương - Ocean Bank	774.694.128
Ngân hàng Techcombank	473.716.092
Ngân hàng Eximbank - Tiền gửi nhà đầu tư	1.370.897

Ngân hàng Phương Tây - Tiền ký quỹ	21.174.768
Ngân hàng BIDV - Hà Nội	235.842.521
Ngân hàng ACB - Hà Nội	3.929.812
Tiền gửi thanh toán bù trừ	1.777.221.879
Ngân hàng Đầu Tư và Phát triển Việt Nam - BIDV	1.777.221.879
Cộng	5.489.884.546

(***) Các khoản tương đương tiền là Tiền gửi có kỳ hạn có thời điểm đáo hạn tính tại 31/12/2011 là dưới 1 tháng, bao gồm :

Tiền gửi có kỳ hạn - BIDV - CN. Nam Kỳ Khởi Nghĩa	9.000.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn - Giadinhbank - CN Hàng Xanh	17.000.000.000
Cộng	26.000.000.000

2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Đầu tư ngắn hạn	36.837.335.794	52.912.664.703
- Đầu tư chứng khoán ngắn hạn (*)	31.837.335.794	52.912.344.703
- Đầu tư ngắn hạn khác (**)	5.000.000.000	320.000
Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn (***)	(10.230.933.791)	(15.502.975.964)
Tổng	26.606.402.003	37.409.688.739

(*) Đầu tư chứng khoán ngắn hạn là tổng giá trị cổ phiếu tự doanh mà Công ty đang nắm giữ tại ngày 31/12/2011.

(**) Đầu tư ngắn hạn khác tại ngày 31/12/2011 là khoản tiền Hợp tác kinh doanh chứng khoán với Công ty Cổ phần Thương Mại Sản Xuất VINATABA

(***) Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn là khoản trích lập dự phòng căn cứ Nghị quyết của Hội đồng Quản trị ký ngày 20/02/2012.

3. Các khoản phải thu ngắn hạn

Chỉ tiêu	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu của khách hàng	0	25.364.460
Trả trước cho người bán	0	0
Phải thu nội bộ	0	0
Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán (*)	58.219.184.108	66.350.636.098
Phải thu khác (**)	18.504.843.975	17.166.970.263
Dự phòng phải thu khó đòi	0	0
Tổng	76.724.028.083	83.542.970.821

(*) Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán tại ngày 31/12/2011 bao gồm :

Văn phòng TP. HCM	
Phải thu phí giao dịch của nhà đầu tư	29.289.101
Phải thu chậm tiền ngày T	30.182.339.368
Phải thu Hợp đồng Margin vay mua chứng khoán	5.442.815.728
Phải thu Hợp đồng Margin vay rút tiền mặt	8.232.823.403
Chi nhánh Hà Nội	
Phải thu Hợp đồng Margin vay rút tiền mặt	14.331.916.508
Cộng	58.219.184.108

(**) Phải thu khác tại ngày 31/12/2011 bao gồm

Văn phòng TP. HCM	
Phải thu cho vay mua quyền	17.845.814.459
Phải thu cho vay mua chứng khoán	45.867.098
Khoản phải thu khác	613.162.418
Cộng	18.504.843.975



4. Tài sản ngắn hạn khác

Chỉ tiêu	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí trả trước ngắn hạn	16.500.000	0
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	0	0
Các khoản thuế phải thu (*)	2.410.484.083	2.410.484.083
Tài sản ngắn hạn khác (**)	289.618.930	1.818.359.030
Tổng	2.716.603.013	4.228.843.113

(*) Các khoản thuế phải thu : là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp đã tạm nộp năm 2010

(**) Tài sản ngắn hạn khác là khoản tạm ứng của nhân viên Công ty và khoản ký quỹ, bao gồm :

Văn phòng TP. HCM	
Trương Văn Tiến	82.022.000
Thái Hoàng Long	182.156.930
Hà Đăng Thuận	8.000.000
Trần Thị Ngọc Minh	1.000.000
Lê Thị Kim Dung	440.000
Đặng Trường Chinh	14.000.000
Trần Công Minh	2.000.000
Cộng	289.618.930

5. Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong năm :

Chỉ tiêu	Khối lượng giao dịch thực hiện trong năm	Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong năm
a. Của Công ty chứng khoán	2.849.105	68.568.026.170
- Cổ phiếu niêm yết	2.512.525	61.556.136.204
- Chứng chỉ quỹ niêm yết	580	2.929.966
- Trái phiếu niêm yết	-	-
- Cổ phiếu chưa niêm yết	310.000	3.889.480.000
- Trái phiếu chưa niêm yết	26.000	3.119.480.000
b. Của nhà đầu tư	48.494.510	915.780.671.000
- Cổ phiếu	48.331.430	914.549.329.000
- Trái phiếu	-	-
- Chứng chỉ quỹ	163.080	1.231.342.000
Tổng	51.343.615	984.348.697.170



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NHẤT VIỆT

Địa chỉ : 117-119-121 Nguyễn Du, Phường Bến Thành, Quận 1, TP. HCM

6. Tình hình đầu tư tài chính :

Chỉ tiêu	Số lượng		Giá trị theo sổ kế toán		So với giá thị trường				Tổng giá trị theo Giá thị trường		Ghi chú
	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Tăng		Giảm		Đầu năm	Cuối năm	
					Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm			
I. Chứng khoán thương mại											
- Cổ phiếu	2.053.515	1.856.460	52.912.354.955	31.837.302.794	-	-	15.321.602.255	15.565.652.494	37.590.752.700	16.271.650.300	
- Trái phiếu	1.518.525	1.347.010	44.649.439.857	26.692.149.661			14.911.774.157	13.018.694.361	29.737.665.700	13.673.455.300	
- Chứng chỉ quỹ	26.000	-	3.119.480.000	-					3.119.480.000		
- Chứng khoán khác	508.990	509.450	5.143.435.098	5.145.153.133			409.828.098	2.546.958.133	4.733.607.000	2.598.195.000	
II. Chứng khoán đầu tư											
1. Chứng khoán sẵn sàng để bán											
- Cổ phiếu											
- Trái phiếu											
- Chứng chỉ quỹ											
- Chứng khoán khác											
2. Chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn											
- Cổ phiếu											
- Trái phiếu											



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NHẤT VIỆT

Địa chỉ : 117-119-121 Nguyễn Du, Phường Bến Thành, Quận 1, TP. HCM

- Chứng chỉ quỹ											
- Chứng khoán khác											
III. Đầu tư góp vốn											
- Đầu tư vào công ty con											
- Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết											
IV. Đầu tư tài chính khác											

- Lý do thay đổi giá trị hợp lý
- Chi tiết giá trị chứng khoán dùng để cầm cố thế chấp cho các khoản nợ
- Chi tiết các chứng khoán đang thực hiện hợp đồng Repo
 - + Giá trị ghi sổ
 - + Thời hạn
 - + Giá trị mua, bán lại của hợp đồng Repo

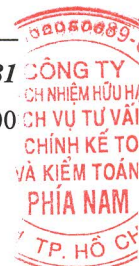


7. Tăng, giảm Tài sản cố định hữu hình

Chỉ tiêu	Phương tiện vận tải	Dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá TSCĐ hữu hình			
Số dư đầu năm	1.754.141.000	7.645.485.223	9.399.626.223
- Mua trong năm		624.145.592	624.145.592
- Đầu tư XDCB hoàn thành			0
- Tăng khác			
- Chuyển sang BĐS đầu tư			
- Thanh lý, nhượng bán			
- Giảm khác			
Số dư cuối năm	1.754.141.000	8.269.630.815	10.023.771.815
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	189.790.260	2.992.882.468	3.182.672.728
- Khấu hao trong năm	190.024.261	1.634.352.303	1.824.376.564
- Tăng khác			
- Chuyển sang BĐS đầu tư			
- Thanh lý, nhượng bán			
- Giảm khác			
Số dư cuối năm	379.814.521	4.627.234.771	5.007.049.292
Giá trị còn lại của TSCĐHH			
Tại ngày đầu năm	1.564.350.740	4.652.602.755	6.216.953.495
Tại ngày cuối năm	1.374.326.479	3.642.396.044	5.016.722.523

8. Tăng, giảm Tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Phần mềm máy tính	TSCĐ vô hình Khác	Tổng cộng
	Nguyên giá TSCĐ vô hình		
Số dư đầu năm	3.524.994.781	0	3.524.994.781
- Mua trong năm	300.525.000		300.525.000
- Tạo ra từ nội bộ doanh nghiệp			
- Tăng do hợp nhất kinh doanh			
- Tăng khác			
- Thanh lý, nhượng bán			
- Giảm khác			
Số dư cuối năm	3.825.519.781	0	3.825.519.781
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	886.290.681	0	886.290.681
- Khấu hao trong năm	637.499.123		637.499.123
- Tăng khác			
- Thanh lý, nhượng bán			
- Giảm khác			
Số dư cuối năm	1.523.789.804	0	1.523.789.804
Giá trị còn lại của TSCĐ vô hình			
- Tại ngày đầu năm	2.638.704.100	0	2.638.704.100
- Tại ngày cuối năm	2.301.729.977	0	2.301.729.977



9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chỉ tiêu	Số cuối năm	Số đầu năm
Mua sắm TSCĐ	392.826.000	725.400.000
Xây dựng cơ bản	0	0
Sửa chữa lớn TSCĐ	0	0
Tổng	392.826.000	725.400.000

10. Tài sản dài hạn khác

Chỉ tiêu	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí trả trước dài hạn (*)	1.046.799.832	2.587.572.888
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	0	0
Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán (**)	516.354.212	293.394.026
Tài sản dài hạn khác (***)	583.406.365	448.000.000
Tổng	2.146.560.409	3.328.966.914

(*) Chi phí trả trước dài hạn bao gồm :

Chi phí thành lập	1.024.903.897
Chi phí dụng cụ	21.895.935
Cộng	1.046.799.832

(**) Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán bao gồm :

Tiền nộp ban đầu	120.000.000
Tiền nộp bổ sung	396.354.212
<i>Tiền nộp bổ sung từ 2008 đến 2010</i>	<i>172.724.208</i>
<i>Tiền nộp bổ sung năm 2011</i>	<i>223.630.004</i>
Tiền lãi phân bổ	0
<i>Tiền lãi phân bổ từ 2006 đến 2009</i>	<i>669.818</i>
<i>Tiền lãi phân bổ năm 2011</i>	<i>(669.818)</i>
Cộng	516.354.212

(***) Tài sản dài hạn khác là khoản ký quỹ dài hạn cho các khoản thuê văn phòng bao gồm :

Văn phòng TP. HCM	477.406.365
Văn phòng Chi nhánh Hà Nội	106.000.000
Cộng	583.406.365

11. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

Chỉ tiêu	Số cuối năm	Số đầu năm
- Thuế Giá trị gia tăng	9.192.630	2.305.860
- Thuế Giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	0	0
- Thuế Tiêu thụ đặc biệt	0	0
- Thuế xuất, nhập khẩu	0	0
- Thuế Thu nhập doanh nghiệp	0	0
- Thuế thu nhập cá nhân	31.505.747	69.381.480
- Thuế tài nguyên	0	0
- Thuế nhà đất	0	0
- Tiền thuê đất	0	0
- Thuế khác (Thuế thu nhập cá nhân của nhà đầu tư)	13.419.125	96.013.490
- Các khoản phí, lệ phí phải nộp khác	185.837	126.000.000
Tổng	54.303.339	293.700.830

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.



12. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán :

Chỉ tiêu	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả Tiền gửi của nhà đầu tư	3.144.524.171	3.126.997.588
Phải trả Tiền gửi tài khoản ký quỹ	99.040.139	
Thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán	18.696.081.000	7.056.556.000
Phải trả Trung tâm giao dịch chứng khoán	29.754.751	64.340.518
Cộng	21.969.400.061	10.247.894.106

13. Các khoản phải trả phải nộp khác :

Chỉ tiêu	Số cuối năm	Số đầu năm
Bảo hiểm y tế	21.302.775	17.936.325
Bảo hiểm xã hội	108.810.900	72.055.500
Phải trả phải nộp khác (*)	424.486.019	438.195.441
Tổng	554.599.694	16.191.116.291

(*) Phải trả phải nộp khác tại ngày 31/12/2011 bao gồm :

Phải trả khác	108.475.090
Phải trả phí công tác viên	4.508.070
Phải trả cổ tức VFS nhà đầu tư (cổ đông)	300.000.000
Phải trả lãi vay cho nhà đầu tư vãng lai	1.610.959
Bảo hiểm thất nghiệp	9.891.900
Cộng	424.486.019

14. Phải trả hộ Cổ tức, gốc và lãi trái phiếu :

Chỉ tiêu	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả hộ cổ tức chứng khoán niêm yết	15.322.104	2.341.000
Phải trả hộ cổ tức chứng khoán OTC	156.347.000	237.647.000
Tổng	171.669.104	239.988.000

Cân đối phải thu và phải trả trong giao dịch chứng khoán với nhà đầu tư bao gồm :

Tiền gửi của Nhà đầu tư tại Ngân hàng	3.144.524.171	
Phải trả Tiền gửi của nhà đầu tư		3.144.524.171
Cộng	3.144.524.171	3.144.524.171

15. Doanh thu

Chỉ tiêu	Năm nay	Năm trước
Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	9.156.851.232	4.386.988.398
Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	1.949.380.527	19.613.698.385
Doanh thu hoạt động tư vấn	27.272.727	72.727.272
Doanh thu khác (*)	11.492.190.558	12.778.514.056
Các khoản giảm trừ doanh thu	0	0
Tổng	22.625.695.044	36.851.928.111

(*) Chi tiết doanh thu khác năm 2011 bao gồm :

Lãi tiền gửi ngân hàng	2.523.662.995
Lãi cho vay vốn	8.741.539.121
Doanh thu về thu phí chuyển nhượng chứng khoán	2.910.000
Doanh thu hợp đồng Margin	4.152.094
Doanh thu về thu phí mua quyền	44.652.810
Doanh thu về phí mua quyền, ứng trước Margin	706.337
Doanh thu khác	174.567.201
Cộng	11.492.190.558



16. Chi phí hoạt động kinh doanh :

Chi tiêu	Năm nay	Năm trước
Chi phí môi giới chứng khoán niêm yết cho nhà đầu tư	273.427.820	704.987.856
Chi phí chung môi giới	5.136.890.665	4.075.314.408
Chi phí hoạt động tự doanh chứng khoán	11.017.387.191	9.617.697.842
Chi phí môi giới chứng khoán tự doanh	14.815.202	
Chi phí chung đầu tư	187.133.671	686.403.729
Chi phí chung tư vấn	678.914.297	459.756.610
Chi phí lưu ký chứng khoán	75.057.126	55.162.568
Trả lãi tiền vay	118.659.652	6.159.920
Dự phòng giảm giá chứng khoán	(5.272.042.173)	14.527.799.412
Tổng	12.230.243.451	30.133.282.345

17. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí công cụ dụng cụ		3.129.621.894
Chi phí dịch vụ	5.199.650.987	4.996.118.819
Chi phí khấu hao	553.544.552	356.907.533
Chi phí lương (*)	5.464.281.444	4.627.730.161
Chi phí phân bổ	3.337.476.105	
Chi phí phúc lợi	118.124.932	
Chi phí sử dụng vốn	37.566.120	
Chi phí tiếp khách	94.959.470	726.339.945
Chi phí văn phòng phẩm	479.524.081	
Chi phí khác	39.993.854	
Tổng	15.325.121.545	13.836.718.352

(*) Trong đó, thu nhập của Hội đồng quản trị : 353.600.000 VND, Ban Kiểm soát : 91.000.000 VND và Ban Giám đốc : 1.105.000.000 VND.

18. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành :

Lợi nhuận kế toán trước thuế	(4.929.669.952)
Các khoản điều chỉnh làm tăng thu nhập tính thuế	115.443.497
- Chi phí không có hóa đơn	110.339.932
- Thuế truy thu và phạt vi phạm hành chính	5.103.565
- Chi phí không liên quan đến doanh thu	
- Các khoản chi phí trích trước mà chưa chi	
Các khoản điều chỉnh làm giảm thu nhập tính thuế	0
Lợi nhuận tính thuế	(4.814.226.455)
Chuyển lỗ	
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	0
Số lỗ còn được chuyển đầu kỳ	(7.133.435.495)
Số lỗ sẽ được chuyển trong kỳ tới	(11.947.661.950)

19. Những thông tin khác

Thay đổi chung về chính sách kế toán của Nhà nước :

- Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ và các khoản mục công nợ có gốc ngoại tệ được áp dụng Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 10 - Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá
- Trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi, bảo hành sản phẩm hàng hóa công trình xây lắp tại doanh nghiệp theo Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 do Bộ Tài chính ban hành. Riêng dự phòng tổn thất đầu tư tài chính cho Công ty chứng khoán hiện vẫn chưa có qui định cụ thể nên Công ty trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán căn cứ Quyết định của Hội đồng Quản trị.
- Quản lý tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định được thực hiện theo quy định của Thông tư 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính.



Chi tiết công nợ phải thu, phải trả nội bộ đã được cân trừ trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2011:

- Phải thu / phải trả nội bộ - Lương và Tài sản điều chuyển	2.469.885.269
- Phải thu / phải trả nội bộ - Phải thu trong giao dịch môi giới chứng khoán	13.273.000.502
- Phải thu / phải trả nội bộ - Phải thu trong giao dịch chứng khoán	129.218.500
- Phải thu / phải trả nội bộ - Chi phí thành lập chi nhánh	593.422.581
Cộng	16.465.526.852

Thông tin về hoạt động liên tục:

Báo cáo tài chính năm 2011 của Công ty Cổ Phần Chứng khoán NHẤT VIỆT được lập trên cơ sở công ty vẫn sẽ tiếp tục hoạt động trong vòng 12 tháng tiếp theo.

Số liệu so sánh :

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch Vụ Tư Vấn Tài Chính Kế Toán và Kiểm Toán Phía Nam (AASCS).

Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Khoa

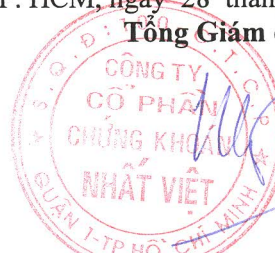
Kiểm soát nội bộ



Nguyễn Thị Thu Bình

TP. HCM, ngày 28 tháng 02 năm 2012

Tổng Giám đốc



Thái Hoàng Long

(Các ghi chú này là bộ phận hợp thành và được đọc cùng với Báo cáo tài chính)

